

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**
Bản án số: 106 /2018/HSST
Ngày: 05/7/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Huỳnh Quang Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hữu Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, số 60 đường Nguyễn Huệ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 97/2018/TLST- HS ngày 18 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2018, đối với:

Bị cáo **Phan Văn L** (Tên gọi khác: D). Sinh năm 1993, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú hiện nay: 11/4 đường U, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con của ông Phan Bé T và con bà Nguyễn Thị M; Gia đình có 02 chị em ruột, bị cáo là con thứ hai; Có vợ là Ngô Hồ Bảo A (không đăng ký kết hôn) và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 12/11/2014 bị Công an thành phố Huế xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cầm cố xe ô tô không chính chủ, đã quá thời gian được coi là không bị xử phạt vi phạm hành chính;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/03/2018 cho đến nay “có mặt”.

Bị hại:

1. Chị Phan Thị B. Địa chỉ: 32 đường L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Anh Mai Văn H. Địa chỉ: 11/4 đường U, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

Người làm chứng:

-Anh Ngô Thanh T. Địa chỉ: 15 đường Đ, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

-Chị Nguyễn Thị Thúy N. Địa chỉ: Thôn L, xã D, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 ngày 30/12/2017, Phan Văn L đang ở nhà thì phát hiện xe mô tô biển số 75XX-XXX của Cô ruột mình là chị Phan Thị B để ở sân nhà mình,

xung quanh vắng người nên nảy sinh ý định trộm cắp đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Long lấy 01 chìa khóa có sẵn trong nhà, lén lút mở khóa điện chạy đến quán cà phê, địa chỉ: 40 đường T, phường P, thành phố H. Tại đây, L liên hệ với một người bạn tên U (không rõ lai lịch), nhờ mang xe đi cầm cố giúp cho L được số tiền 8.000.000 đồng, lấy trước tiền lãi 400.000 đồng, còn đưa cho L 7.600.000 đồng. Số tiền có được, L tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, L về lại nhà mình phát hiện thấy xe mô tô biển số 75YY-YYY.YY của anh Mai Văn H (là Dương của L), để trong sân nhà, xe được khóa bằng 01 sợi xích với một xe khác, mọi người đã ngủ nên tiếp tục nảy sinh ý định chiếm đoạt xe, đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. L lấy 01 cái cửa sắt có sẵn trong nhà, cửa đứt ổ khóa, dắt xe đi bộ ra đường rồi đón xe taxi chở người cùng xe mô tô lên lại quán cà phê số 40 đường T, phường P, thành phố H. Tại đây, L gặp anh Ngô Thanh T, là nhân viên của quán nên L nói với anh T là xe bị rơi chìa khóa, cho gửi lại quán để sáng mai đến lấy, thì được anh T đồng ý. Đến 09 giờ ngày 31/12/2017 L thuê một người thợ sửa khóa đi cùng, đến làm 01 chìa khóa rồi mở khóa điều khiển xe đi tìm nơi tiêu thụ nhưng không được. Sau khi biết được thông tin chị B và anh P đã làm đơn trình báo Cơ quan Công an, nên L đã chủ động nhắn tin cho anh P xin lỗi và thừa nhận hành vi trộm cắp của mình. Đến tối ngày 01/01/2018 L đưa xe mô tô biển số 75YY-YYY.YY về trả lại cho anh P. Sáng ngày 02/01/2018 L tiếp tục liên hệ với U chuộc lại xe mô tô biển số 75XX-XXX rồi về trả lại cho chị B. Ngày 08/01/2018 Phan Văn L tự nguyện đến đầu thú tại Công an phường V và khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đỏ - đen, biển số 75XX-XXX;
- 01 xe mô tô hiệu Honda SH, màu đen, biển số 75YY-YYY.YY;
- 01 chìa khóa xe có chữ Honda mã số P108;
- 01 cái cửa bằng kim loại, kích thước: dài 30,5 cm, rộng 02 cm;
- 01 sợi dây xích bằng kim loại dài 100 cm, hai đầu có 02 miếng kim loại hình tam giác;
- 01 ổ khóa bằng kim loại màu vàng có chữ M, khuy khóa bằng kim loại màu trắng đã bị cửa đứt một bên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 52/KL-HĐĐG ngày 09/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế xác định: Trị giá chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 75XX-XXX, tại thời điểm bị chiếm đoạt là 21.000.000 đồng; Trị giá chiếc xe mô tô hiệu Honda SH, biển số 75YY-YYY.YY, tại thời điểm bị chiếm đoạt là 52.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho chị Phan Thị B xe mô tô 75XX-XXX; trả lại cho anh Mai Văn H xe mô tô 75YY-YYY.YY. Chị B, anh P đã nhận lại tài sản không có yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Phan Văn L. Các vật chứng còn lại cần tiếp tục tạm giữ và đã chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế để bảo đảm cho việc xét xử và thi hành án.

Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo Phan Văn L đã khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 100/CT- VKS ngày 07/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Phan Văn L, về tội: Trộm cắp tài sản, theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm theo bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phan Văn L phạm tội: Trộm cắp tài sản; Đề nghị áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để xử phạt bị cáo Phan Văn L từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù; Về xử lý vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy gồm: 01 chìa khóa xe có chữ Honda mã số P108; 01 cái cưa bằng kim loại, kích thước: dài 30,5 cm; 01 sợi dây xích bằng kim loại dài 100 cm, hai đầu có 02 miếng kim loại hình tam giác và 01 ổ khóa bằng kim loại màu vàng có chữ M. Về trách nhiệm dân sự, bị hại không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng không xem xét; Về án phí hình sự sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị hại: Chị Phan Thị B đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Phan Văn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung theo quy định của pháp luật.

[2]. Các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế thu thập trong hồ sơ đều có giá trị pháp lý.

[3]. Qua trình điều tra truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

[4]. Căn cứ kết tội đối với bị cáo Phan Văn L: Vào chiều và tối ngày 30/12/2017, tại số nhà 11/4 đường U, phường V, thành phố H bị cáo Phan Văn L đã lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt của chị Phan Thị B 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade, mang biển số 75XX-XXX, có trị giá 21.000.000 đồng và chiếm đoạt của anh Mai Văn H 01 xe mô tô hiệu Honda SH, mang biển số 75YY-YYY.YY, có trị giá 52.000.000 đồng; Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Phan Văn L chiếm đoạt là: 73.000.000 đồng. Xét thấy hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản mà bị cáo Phan Văn L đã thực hiện là đủ yếu tố cấu thành tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 73.000.000 đồng nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng định khung hình phạt theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế đã truy tố bị cáo Phan Văn L về tội: Trộm cắp tài sản, theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Bị cáo Phan Văn L là một người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vẫn nhận thức được hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Thế nhưng do động cơ vụ lợi nên bị cáo đã lao vào con đường tội

phạm. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm nhằm để giáo dục bị cáo và ngăn ngừa chung.

[5]. Xét về tính chất của vụ án, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thì thấy rằng hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất cơ hội. Về nhân thân, thì vào năm 2014 bị cáo L đã bị Công an thành phố Huế xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cầm cố xe ô tô không chính chủ, hiện đã quá thời gian được coi là không bị xử phạt vi phạm hành chính; khi thực hiện hành vi tội phạm bị cáo không có tiền án tiền sự.

[6]. Xét tình tiết tăng nặng: Bị cáo Phan Văn L đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là: “ Phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[7]. Xét tình tiết giảm nhẹ: Sau khi bị phát hiện, bị cáo Phan Văn L đã bồi hoàn lại số tiền cầm xe, chuộc lại xe và tự nguyện đưa cả hai xe mô tô về trả lại cho bị hại. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là: “ Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” được quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Mặt khác, khi bị phát hiện bị cáo đã tự nguyện đến Công an phường V đầu thú và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo Phan Văn L được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Vì vậy nghĩ cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo một phần khi quyết định hình phạt.

Căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo Phan Văn L, Hội đồng xét xử thấy cần thiết cho bị cáo Phan Văn L được hưởng một mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là cũng đủ tác dụng để giáo dục bị cáo và ngăn ngừa chung.

Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Phan Văn L là có căn cứ pháp luật.

[8]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo Phan Văn L và đã chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/6/2018, gồm: 01 chìa khóa xe có chữ Honda mã số P108; 01 cái cưa bằng kim loại, kích thước: dài 30,5 cm, rộng 02 cm; 01 sợi dây xích bằng kim loại dài 100 cm, hai đầu có 02 miếng kim loại hình tam giác và 01 ổ khóa bằng kim loại màu vàng có chữ M. Xét thấy các vật chứng nói trên thuộc sở hữu của bị cáo, bị cáo dùng vào việc phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng nên cần phải tịch thu tiêu hủy.

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu bị cáo Phan Văn L bồi thường thiệt hại gì về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10]. Về án phí: Bị cáo Phan Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

1. Xử phạt: Bị cáo Phan Văn L 01 năm 06 tháng tù, về tội: Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam, là ngày 08/3/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tuyên xử:

- Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 chìa khóa xe có chữ Honda mã số P108; 01 cái cửa bằng kim loại; 01 sợi dây xích bằng kim loại, hai đầu có 02 miếng kim loại hình tam giác và 01 ổ khóa bằng kim loại màu vàng có chữ M, khuy khóa bằng kim loại màu trắng đã bị cửa đứt một bên. Tất cả có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/6/2018 giữa Cơ quan Điều tra và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Về án phí: Bị cáo Phan Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai. Báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hình sự sơ thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT Huế;
- Cơ quan CATP Huế, PV27;
- VKSNDTP Huế;
- Bị cáo;
- Các bị hại;
- Thi hành án dân sự, THAHS;
- Lưu hồ sơ.

Mai Văn Phú